

Số: /QĐ-TTYT

Phù Cát, ngày tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy trình khám sức khỏe, khám sức khỏe lái xe

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ PHÙ CÁT

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 25/2026/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 36/2024/TT-BYT ngày 16 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn sức khỏe, việc khám sức khỏe đối với người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng; việc khám sức khỏe định kỳ đối với người hành nghề lái xe ô tô; cơ sở dữ liệu về sức khỏe của người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng;

Căn cứ Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế Phù Cát;

Căn cứ Quyết định số 215/QĐ-TTYT ngày 03 tháng 6 năm 2026 của Giám đốc Trung tâm Y tế Phù Cát quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Khoa Khám bệnh, Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ, Điều dưỡng, Truyền thông và Giáo dục sức khỏe và Trưởng Khoa Khám bệnh, Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy trình khám sức khỏe, khám sức khỏe lái xe tại Trung tâm Y tế Phù Cát”.

Điều 2. Quy trình này áp dụng tại Khoa Khám bệnh, Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng và các khoa, phòng, bộ phận, cá nhân có liên quan thuộc Trung tâm Y tế Phù Cát.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định trước đây của Trung tâm Y tế Phù Cát về cùng nội dung trái với Quyết định này hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 4. Trưởng các phòng: Tổ chức - Hành chính; Tài chính - Kế toán; Kế hoạch - Nghiệp vụ, Điều dưỡng, Truyền thông và Giáo dục sức khỏe; trưởng các khoa: Khám bệnh, Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng; Xét nghiệm; Chẩn đoán hình ảnh; Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản; các khoa, phòng có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lãnh đạo TTYT;
- Trang thông tin điện tử của Trung tâm;
- Lưu: VT, KKB, RHM-M-TMH.

GIÁM ĐỐC

Trần Thúc Khả

QUY TRÌNH

Khám sức khỏe, khám sức khỏe lái xe tại Trung tâm Y tế Phù Cát
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTYT ngày tháng 7 năm 2026
của Giám đốc Trung tâm Y tế Phù Cát)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

- Chuẩn hóa việc tiếp nhận hồ sơ, khám lâm sàng, thực hiện cận lâm sàng, kết luận, cấp, trả, lưu hồ sơ và liên thông dữ liệu khám sức khỏe; bảo đảm đúng đối tượng, đúng nội dung, đúng tiêu chuẩn và đúng thẩm quyền.
- Phân định rõ trách nhiệm giữa Khoa Khám bệnh, Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng với các khoa, phòng liên quan; phòng ngừa việc khám thiếu chuyên khoa, ký kết luận khi chưa đủ kết quả, sử dụng sai biểu mẫu, sai đối tượng hoặc để người khác khám thay.
- Bảo đảm quyền lợi, an toàn và bí mật thông tin của người được khám sức khỏe; tạo căn cứ kiểm tra, giám sát, truy xuất và cải tiến chất lượng.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

- Quy trình này quy định việc khám sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ thuộc phạm vi điều chỉnh của Chương VI Thông tư số 32/2023/TT-BYT đã được sửa đổi, bổ sung; khám sức khỏe đối với người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng và khám sức khỏe định kỳ đối với người hành nghề lái xe ô tô theo Thông tư số 36/2024/TT-BYT.
- Quy trình này không thay thế quy trình khám bệnh ngoại trú, nội trú; không áp dụng cho giám định y khoa, khám bệnh nghề nghiệp và các trường hợp khác.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

- Người có nhu cầu khám sức khỏe; người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng; người hành nghề lái xe ô tô được khám sức khỏe định kỳ; cơ quan, tổ chức ký hợp đồng khám sức khỏe với Trung tâm Y tế Phù Cát.
- Người hành nghề, nhân viên tiếp đón, thu phí, văn thư, công nghệ thông tin và các khoa, phòng, bộ phận tham gia quy trình.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện

- Phải khám đầy đủ nội dung theo đúng mẫu và đúng nhóm đối tượng. Bác sĩ khám từng nội dung phải ghi rõ kết quả, bệnh hoặc tật, ký và ghi rõ họ tên theo quy định; không ký không, ký thay hoặc kết luận khi hồ sơ chưa đầy đủ.

2. Người kết luận căn cứ toàn bộ kết quả để phân loại hoặc kết luận theo tiêu chuẩn áp dụng. Trường hợp khám theo yêu cầu chỉ khám một hoặc một số chuyên khoa thì chỉ kết luận trong phạm vi yêu cầu và không phân loại sức khỏe.

3. Người có dấu hiệu cấp cứu hoặc bệnh lý cần xử trí ngay được chuyển sang quy trình cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh. Việc hoàn tất khám sức khỏe chỉ tiếp tục khi bảo đảm an toàn.

4. Thông tin trong hồ sơ giấy, trên phần mềm quản lý và dữ liệu liên thông phải thống nhất; bảo đảm định danh, bảo mật, khả năng truy xuất và phòng chống gian lận.

Chương II

HỒ SƠ, BIỂU MẪU VÀ NỘI DUNG KHÁM

Điều 5. Hồ sơ và biểu mẫu

1. Hồ sơ, biểu mẫu

STT	Đối tượng	Biểu mẫu áp dụng
1	Trẻ em dưới 06 tuổi	Mẫu số 01 Phụ lục XXIV Thông tư số 32/2023/TT-BYT, được thay thế bởi Thông tư số 25/2026/TT-BYT.
2	Người từ đủ 06 tuổi đến dưới 18 tuổi	Mẫu số 02 Phụ lục XXIV Thông tư số 32/2023/TT-BYT, được thay thế bởi Thông tư số 25/2026/TT-BYT.
3	Người từ đủ 18 tuổi trở lên	Mẫu số 03 Phụ lục XXIV Thông tư số 32/2023/TT-BYT, được thay thế bởi Thông tư số 25/2026/TT-BYT.
4	Khám sức khỏe tâm thần	Mẫu số 04 Phụ lục XXIV được bổ sung bởi Thông tư số 25/2026/TT-BYT.
5	Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng	Giấy khám sức khỏe theo Phụ lục II Thông tư số 36/2024/TT-BYT.
6	Khám sức khỏe định kỳ đối với người hành nghề lái xe ô tô	Biểu mẫu phù hợp theo Điều 4 Thông tư số 36/2024/TT-BYT; ghi bổ sung hạng giấy phép lái xe tại mục nghề nghiệp; thực hiện đầy đủ nội dung theo Điều 3 Thông tư này.

2. Người mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự phải có giấy khám sức khỏe phù hợp với nhóm đối tượng và văn bản đồng ý của thân nhân theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

3. Người đến khám xuất trình căn cước công dân, hộ chiếu, sổ định danh cá nhân hoặc giấy tờ tùy thân hợp lệ theo biểu mẫu. Cơ sở khám đối chiếu ảnh

trong hồ sơ với người đến khám, đóng dấu giáp lai vào ảnh đối với trường hợp biểu mẫu có ảnh và kiểm tra giấy tờ tùy thân hợp lệ của thân nhân/người đại diện trong trường hợp pháp luật yêu cầu.

4. Khám sức khỏe định kỳ theo hợp đồng phải có danh sách do cơ quan, tổ chức xác nhận; trường hợp đơn lẻ phải có giấy giới thiệu theo quy định. Hồ sơ, danh sách và hợp đồng phải thống nhất thông tin định danh.

Điều 6. Nội dung khám sức khỏe thông thường

1. Trẻ em dưới 06 tuổi: thực hiện theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế và Mẫu số 01 hiện hành.

2. Người từ đủ 06 tuổi đến dưới 18 tuổi: khám đầy đủ theo Mẫu số 02 hiện hành.

3. Người từ đủ 18 tuổi trở lên: khám đầy đủ theo Mẫu số 03 hiện hành. Đối với khám phân loại sức khỏe để đi học, đi làm, thực hiện các cận lâm sàng bắt buộc tại mục 1 phần III Mẫu số 03; đối với khám sức khỏe định kỳ, cận lâm sàng thực hiện khi có chỉ định của bác sĩ.

4. Lao động nữ khi khám sức khỏe định kỳ được khám chuyên khoa phụ sản theo danh mục tại Phụ lục XXV Thông tư số 32/2023/TT-BYT.

5. Khi cần thiết, bác sĩ khám sức khỏe chuyển khám chuyên khoa, hội chẩn hoặc chỉ định cận lâm sàng để xác định tình trạng sức khỏe, phân loại sức khỏe, phát hiện và quản lý bệnh.

Điều 7. Nội dung khám sức khỏe người lái xe

1. Áp dụng tiêu chuẩn tại Phụ lục I Thông tư số 36/2024/TT-BYT theo ba nhóm: Nhóm 1 đối với hạng A1, B1 và người điều khiển xe máy chuyên dùng; Nhóm 2 đối với hạng A, B; Nhóm 3 đối với hạng C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE. Người có giấy phép lái xe cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 đổi/cấp lại từ A1 sang A thuộc trường hợp luật định áp dụng tiêu chuẩn Nhóm 1.

2. Khám đầy đủ các nội dung tại Phụ lục II Thông tư số 36/2024/TT-BYT, gồm thông tin hành chính, tiền sử; khám tâm thần; thần kinh; mắt; tai - mũi - họng; tim mạch; hô hấp; cơ xương khớp; nội tiết; xét nghiệm ma túy. Xét nghiệm nồng độ cồn trong máu hoặc hơi thở, huyết học, sinh hóa, X-quang và thăm dò chức năng chỉ thực hiện khi có chỉ định của bác sĩ khám sức khỏe, trừ nội dung bắt buộc đối với khám sức khỏe định kỳ người hành nghề lái xe ô tô.

3. Việc khám đối với người khuyết tật đề nghị cấp giấy phép lái xe hạng A1 hoặc hạng B thực hiện theo khoản 4 Điều 2 Thông tư số 36/2024/TT-BYT; không yêu cầu khám chuyên khoa cơ xương khớp trong trường hợp pháp luật quy định được miễn.

4. Kết luận phải ghi đúng một trong các cách ghi tại hướng dẫn Phụ lục II Thông tư số 36/2024/TT-BYT: đủ điều kiện; không đủ điều kiện; hoặc đạt tiêu chuẩn nhưng yêu cầu khám lại (ghi rõ thời gian), đồng thời ghi rõ hạng giấy

phép lái xe/xe máy chuyên dùng. Đối với người khuyết tật, sử dụng đúng câu kết luận riêng của biểu mẫu.

Điều 8. Khám sức khỏe định kỳ đối với người hành nghề lái xe ô tô

1. Thực hiện nội dung khám sức khỏe định kỳ của người từ đủ 18 tuổi trở lên theo quy định hiện hành; nội dung khám tâm thần theo mục 1 phần II Phụ lục II Thông tư số 36/2024/TT-BYT.
2. Lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản theo quy định.
3. Bắt buộc xét nghiệm ma túy và xét nghiệm nồng độ cồn.
4. Kết quả được ghi, cấp và lưu theo đúng biểu mẫu, hợp đồng và quy định về khám sức khỏe định kỳ.

Chương III

QUY TRÌNH THỰC HIỆN

Bước 1. Tiếp nhận, đăng ký và xác định loại khám

1. Bộ phận tiếp đón hỏi rõ mục đích khám, độ tuổi, loại giấy phép/hạng giấy phép lái xe, khám cá nhân hay theo hợp đồng; lựa chọn đúng biểu mẫu.
2. Kiểm tra giấy tờ tùy thân; đối chiếu người đến khám với ảnh và thông tin hồ sơ; đóng dấu giáp lai ảnh khi thuộc trường hợp phải thực hiện; kiểm tra giấy tờ của người đại diện/thân nhân nếu có.
3. Tạo mã lượt khám duy nhất trên phần mềm; ghi ngày, giờ tiếp nhận; hướng dẫn người được khám kê khai trung thực tiền sử, bệnh đang điều trị, thuốc đang dùng và ký cam đoan.

Bước 2. Thu phí và hướng dẫn dây chuyền khám

1. Bộ phận tài chính thu đúng giá dịch vụ đã được phê duyệt hoặc thực hiện theo hợp đồng; cấp chứng từ theo quy định.
2. Điều dưỡng kiểm tra lại biểu mẫu, đo dấu hiệu sinh tồn, chiều cao, cân nặng, chỉ số khối cơ thể và các thông số ban đầu theo mẫu; phân luồng đến các bàn/phòng khám.
3. Thứ tự các chuyên khoa có thể được điều phối linh hoạt để giảm thời gian chờ, nhưng phải đảm bảo không bỏ sót nội dung và kết quả được ghi đúng vị trí trên phiếu.

Bước 3. Khám lâm sàng và chuyên khoa

1. Bác sĩ được phân công khám đúng nội dung, ghi đầy đủ kết quả, bệnh hoặc tật, kết luận/phân loại chuyên khoa, ký và ghi rõ họ tên. Không chuyển phiếu sang khâu kết luận khi còn mục bắt buộc chưa hoàn thành.
2. Khoa Khám bệnh, Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng tổ chức khám các chuyên khoa trong phạm vi được phân công; phối hợp Khoa Chăm sóc sức khỏe

sinh sản và các khoa liên quan khám sản phụ khoa và nội dung khác theo biểu mẫu.

3. Trường hợp nghi ngờ bệnh, kết quả không rõ hoặc vượt phạm vi chuyên môn phải hội chẩn, chuyển khám chuyên khoa hoặc chỉ định cận lâm sàng; ghi rõ lý do và hướng xử trí.

Bước 4. Thực hiện cận lâm sàng

1. Khoa Xét nghiệm tiếp nhận đúng người, đúng chỉ định; thực hiện xét nghiệm theo quy trình, bảo đảm kiểm soát chất lượng, chuỗi bàn giao mẫu và bảo mật kết quả.

2. Đối với khám sức khỏe người lái xe và khám định kỳ người hành nghề lái xe ô tô, lấy mẫu xét nghiệm ma túy theo quy định; xét nghiệm nồng độ cồn áp dụng đối với khám định kỳ người hành nghề lái xe ô tô và trường hợp khác khi có căn cứ pháp lý/chỉ định.

3. Khoa Chẩn đoán hình ảnh và các bộ phận thăm dò chức năng thực hiện kỹ thuật theo nội dung bắt buộc của mẫu hoặc chỉ định của bác sĩ.

Bước 5. Kiểm tra tính đầy đủ và kết luận

1. Điều dưỡng được phân công kiểm tra giấy khám sức khỏe kiểm tra hành chính, ảnh, chữ ký, kết quả từng chuyên khoa, xét nghiệm và các trường bắt buộc; đánh dấu hồ sơ chưa hoàn tất để bổ sung, không tự điền thay bác sĩ.

2. Bác sĩ kết luận căn cứ kết quả từng chuyên khoa và tiêu chuẩn áp dụng để kết luận, phân loại sức khỏe, tư vấn hoặc giới thiệu khám bệnh, chữa bệnh.

3. Đối với người lái xe, người kết luận đối chiếu nhóm/hạng giấy phép với tiêu chuẩn tại Phụ lục I Thông tư số 36/2024/TT-BYT trước khi ký. Kết quả xét nghiệm ma túy dương tính hoặc nội dung không đạt tiêu chuẩn phải được xử lý, kết luận đúng quy định; không sửa chữa, tẩy xóa để thay đổi bản chất kết quả.

Bước 6. Đóng dấu, trả kết quả và liên thông dữ liệu

1. Hồ sơ sau khi ký kết luận được kiểm soát lần cuối, vào sổ, đóng dấu của đơn vị theo thẩm quyền. Chỉ trả kết quả cho người được khám, người đại diện hợp pháp hoặc đầu mối cơ quan theo hợp đồng và quy định bảo mật.

2. Đối với trường hợp khám đơn lẻ: trả giấy khám sức khỏe trong 24 giờ kể từ khi kết thúc việc khám, trừ trường hợp phải khám hoặc xét nghiệm bổ sung theo yêu cầu của người thực hiện khám. Khám theo hợp đồng: trả kết quả theo thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp chậm phải thông báo rõ lý do và thời gian dự kiến.

3. Dữ liệu sức khỏe người lái xe được lập theo Điều 5 Thông tư số 36/2024/TT-BYT, gồm phần hành chính; tên cơ sở khám, ngày khám; kết quả xét nghiệm ma túy; kết luận sức khỏe. Việc cập nhật, ký số, kết nối và chia sẻ dữ liệu thực hiện theo chuẩn, hạ tầng và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Bước 7. Lưu hồ sơ

Cấp 01 bản giấy khám sức khỏe cho người được khám và lưu 01 bản tại Trung tâm. Thời hạn lưu thực hiện theo quy định về bảo quản hồ sơ, tài liệu chuyên môn nghiệp vụ ngành y tế.

Chương IV

PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM VÀ KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

Điều 9. Trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân

Đơn vị	Trách nhiệm chính
Khoa Khám bệnh, Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng	Tổ chức, điều phối quy trình khám; tiếp nhận, phân luồng, bố trí bác sĩ/điều dưỡng; kiểm tra hồ sơ trước kết luận; phối hợp trả kết quả, lưu và cải tiến chất lượng.
Phòng KHNV-ĐD-TT&GDSK	Tham mưu danh sách phân công người hành nghề và người kết luận; kiểm tra điều kiện pháp lý, cập nhật văn bản/biểu mẫu.
Khoa Xét nghiệm	Thực hiện xét nghiệm đúng quy trình; quản lý mẫu, nội kiểm/ngoại kiểm, trả kết quả, cảnh báo kết quả nguy hiểm; lưu vết xét nghiệm ma túy và nồng độ cồn.
Khoa Chẩn đoán hình ảnh và bộ phận thăm dò chức năng	Thực hiện đúng chỉ định, định danh, an toàn bức xạ, trả kết quả và lưu dữ liệu.
Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	Thực hiện khám phụ sản cho đối tượng thuộc diện; ghi, ký kết quả và phối hợp tư vấn.
Phòng Tài chính - Kế toán	Niêm yết, thu và quyết toán chi phí; quản lý hợp đồng khám tập thể; đối soát số lượt và chứng từ.
Phòng Tổ chức - Hành chính	Quản lý văn bản ban hành, con dấu và hồ sơ hành chính của Quyết định; phối hợp tham mưu bố trí nhân lực, cơ sở vật chất.
Bộ phận công nghệ thông tin	Duy trì phần mềm, phân quyền tài khoản, nhật ký truy cập; sao lưu, bảo mật, ký số và liên thông dữ liệu; hỗ trợ truy xuất khi có sai lệch.
Người hành nghề và người kết luận	Chịu trách nhiệm cá nhân về nội dung đã khám, kết quả đã ghi và kết luận đã ký; thực hiện đúng phạm vi hành nghề và phân công bằng văn bản.

PHỤ LỤC 1

LƯU ĐỒ KHÁM SỨC KHỎE



PHỤ LỤC 2

LƯU ĐỒ KHÁM SỨC KHỎE LÁI XE

BẮT ĐẦU

Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng hoặc người hành nghề lái xe ô tô có nhu cầu khám sức khỏe.

BƯỚC 1. TIẾP NHẬN VÀ XÁC ĐỊNH ĐỐI TƯỢNG

Ghi rõ hạng giấy phép lái xe, mục đích cấp mới, đổi hoặc cấp lại; xác định Nhóm 1, Nhóm 2, Nhóm 3 hoặc trường hợp khám sức khỏe định kỳ.

BƯỚC 2. KIỂM TRA HỒ SƠ VÀ XÁC MINH NHÂN THÂN

Sử dụng Giấy khám sức khỏe theo Phụ lục II Thông tư số 36/2024/TT-BYT; đối chiếu giấy tờ tùy thân, ảnh và người đến khám. Hồ sơ chưa đầy đủ được hướng dẫn bổ sung.

BƯỚC 3. ĐĂNG KÝ, THU PHÍ VÀ ĐO CÁC CHỈ SỐ BAN ĐẦU

Tạo mã lượt khám; thu phí; đo dấu hiệu sinh tồn và thể lực; hướng dẫn kê khai tiền sử và thứ tự khám.

BƯỚC 4. KHÁM LÂM SÀNG VÀ CHUYÊN KHOA

Khám đầy đủ tâm thần, thần kinh, mắt, tai mũi họng, tim mạch, hô hấp, cơ xương khớp và nội tiết; bác sĩ ghi kết quả và ký từng nội dung.

BƯỚC 5. XÉT NGHIỆM VÀ CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm ma túy bắt buộc; xét nghiệm nồng độ cồn và các xét nghiệm khác theo chỉ định. Đối với khám định kỳ người hành nghề lái xe ô tô, xét nghiệm ma túy và nồng độ cồn đều bắt buộc.

BƯỚC 6. KIỂM TRA TÍNH ĐẦY ĐỦ CỦA HỒ SƠ

Đối chiếu hạng và nhóm tiêu chuẩn; kiểm tra đầy đủ các mục khám, chữ ký, kết quả xét nghiệm ma túy và các chỉ định khác. Nếu thiếu hoặc chưa rõ, chuyển lại khâu liên quan để hoàn thiện.

BƯỚC 7. ĐỐI CHIẾU TIÊU CHUẨN VÀ KẾT LUẬN

Căn cứ Phụ lục I Thông tư số 36/2024/TT-BYT để kết luận: đủ điều kiện; không đủ điều kiện; hoặc đạt tiêu chuẩn nhưng yêu cầu khám lại. Ghi rõ hạng giấy phép và thời gian khám lại khi có.

BƯỚC 8. KIỂM SOÁT, ĐÓNG DẤU, CẬP NHẬT DỮ LIỆU, TRẢ VÀ LƯU

Vào sổ, đóng dấu; cập nhật, ký số và liên thông dữ liệu theo hướng dẫn; trả kết quả trong 24 giờ kể từ khi kết thúc khám; cấp 01 bản và lưu 01 bản.

KẾT THÚC

Hoàn tất hồ sơ khám sức khỏe lái xe.